TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN SƠN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2023 /HNGĐ-ST.
Ngày 23/01/2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Huệ và bà Lộc Thị Kim Thơm

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 318/2023/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2023, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21/12/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số: 02/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 08/01/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Triệu Thị T**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*

- *Bị đơn:* Anh **Bàn Ton K**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Triệu Thị T trình bày:

Chị và anh B Ton Kiều kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 22/3/2011. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là

do tính cách không hợp nhau, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không tin tưởng lẫn nhau, anh K có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, thường xuyên bỏ nhà đi, không quan tâm đến vợ và chăm sóc các con dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay, trong suốt thời gian sống ly thân giữa hai vợ chồng không quan tâm gì đến nhau, không liên lạc với nhau, hiện nay giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh K đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Triệu Thị T xác định chị và anh Bàn Ton K có 03 con chung là cháu Bàn Thị Thu T1, sinh ngày 01/01/2010; cháu Bàn Tố U, sinh ngày 02/10/2011; cháu Bàn Thị Thùy L, sinh ngày 07/01/2014. Hiện nay cả 03 cháu đang ở cùng chị, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung không đề nghị anh K cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị có nhà ở ổn định (nhà xây cấp 4 diện tích khoảng hơn 70m^2); chị làm công nhân tại xã P, huyện S, có thu nhập ổn định; còn anh K hiện nay thường xuyên đi làm xa không đảm bảo điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định chị và anh B Ton Kiều không có tài sản chung và nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập anh B Ton Kiều đến để giải quyết vụ án nhưng anh K đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Theo cung cấp của đại diện thôn C, xã T, huyện Y và ông Triệu Văn T2 là bố đẻ của chị T ở ngay sát nhà anh K thì việc chị T, anh K kết hôn với nhau như chị T đã trình bày là đúng thực tế. Sau khi kết hôn được một thời gian hai vợ chồng chị T và anh K chuyển về cư trú, sinh sống tại thôn C, xã T, huyện Y và được bố mẹ chị T cho đất làm nhà ngay bên cạnh. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Hiện nay anh Bàn Ton K đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về địa phương và liên lạc với gia đình, nhưng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc mới cho chính quyền địa phương và gia đình biết. Đại diện thôn và gia đình xác định có nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án và đã thông báo cho anh K biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh K nhưng anh K không về Tòa án để giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định; nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS như: Không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; vắng mặt tại phiên họp, phiên tòa; tại phiên tòa HĐXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị T xử cho chị Triệu Thị T được ly hôn với anh Bàn Ton K.

+ Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Bàn Thị Thu T1, sinh ngày 01/01/2010; cháu Bàn Tố U, sinh ngày 02/10/2011; cháu Bàn Thị Thùy L, sinh ngày 07/01/2014 cho chị Triệu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh B Ton Kiều không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Triệu Thị T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Triệu Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định.

+ Đề nghị tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Về việc giao nộp tài liệu chứng cứ: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Căn cước công dân (bản phô tô chứng thực); Giấy khai sinh con chung (bản phô tô có chứng thực); Giấy xác nhận thông tin về cư trú.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tiến hành xác minh tại thôn C, xã T; Công an xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; xác minh đối với ông Triệu Văn T2 (bố đẻ chị Triệu Thị T).

Chị Triệu Thị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án vì lý do anh B Ton Kiều không đến Tòa án giải quyết, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án nên Tòa án chỉ tiến hành Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Chị Triệu Thị T và anh Bàn Ton K kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp; chị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và giao nuôi con chung nên xác định đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; bị đơn anh Bàn Ton K có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xác minh tại địa phương cho thấy, anh B Ton Kiều có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Anh K đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ nơi ở, nơi làm việc mới cho địa phương và gia đình biết nên hiện không rõ anh K cư trú ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh K đến làm việc, chính quyền địa phương đã thông báo cho anh K biết việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án nhưng anh K không về giải quyết và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở, nơi làm việc mới, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh B Ton Kiều vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ lời khai của các đương sự; kết quả xác minh, thu thập chứng cứ có cơ sở xác định: Chị Triệu Thị T và anh Bàn Ton K kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp, đúng thực tế. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế, chị Triệu Thị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B Ton Kiều theo quy định của pháp luật.

HĐXX xét thấy, việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh K là đúng thực tế, hai vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, trong suốt quá trình sống ly thân hai vợ chồng không gặp nhau, không liên lạc với nhau và cũng không có cách thức biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, chị T xác định không còn tình nghĩa vợ chồng với anh K; cả hai bên đã không còn giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt mà người nào chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc nhau sống ra sao thì sống, trên thực tế cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Triệu Thị T. Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Triệu Thị T được ly hôn với anh Bàn Ton K.

[2.2] *Về con chung:*

Chị Triệu Thị T xác định chị và K có 03 con chung là cháu Bàn Thị Thu T1, sinh ngày 01/01/2010; cháu Bàn Tố U, sinh ngày 02/10/2011; cháu Bàn Thị Thùy L, sinh ngày 07/01/2014, hiện nay cả bà cháu đang ở cùng chị T.

HĐXX xét thấy, theo kết quả xác minh tại thôn C, xã T, huyện Y, thể hiện: Hiện nay cả đê con chung đều đang ở cùng chị K, chị K có nhà, chỗ ở ổn định (nhà xây cấp 4 và công trình phụ); chị K hiện nay đang làm công nhân ở gần nhà, thu nhập ổn định (lương khoảng 6.000.000 đồng/tháng), đảm bảo mọi điều kiện sống và sinh hoạt cho các con; trong suốt thời gian sống ly thân cháu T1, cháu U, cháu L ở với chị T vẫn được tạo điều kiện phát triển đầy đủ về mọi mặt, được đi học đúng độ tuổi. Đối với anh Bàn Ton K thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không có chỗ ở ổn định, không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh về nghề nghiệp, thu nhập của anh K, nên không đảm bảo các điều kiện để nuôi con chung; mặt khác ý kiến của con chung đủ 07 tuổi là cháu Bàn Thị Thu T1, cháu Bàn Tố U, cháu Bàn Thị Thùy L đều có nguyện vọng được ở cùng chị T.

Do vậy, để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cũng như sự phát triển toàn diện của con chung và ưu tiên bảo đảm lợi ích của con, cần giao con chung là cháu Bàn Thị Thu T1, cháu Bàn Tố U, cháu Bàn Thị Thùy L cho chị Triệu Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với thực tế cũng như phù với nguyện vọng của các con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng, nên anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung; nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án đương sự, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Triệu Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định, anh Bàn Ton K không phải chịu án phí; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" của chị Triệu Thị T với anh Bàn Ton K.

1. Về hôn nhân: Cho chị Triệu Thị T được ly hôn với anh Bàn Ton K. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Bàn Thị Thu T1, sinh ngày 01/01/2010; cháu Bàn Tố U, sinh ngày 02/10/2011; cháu Bàn Thị Thùy L, sinh ngày 07/01/2014 cho chị Triệu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Bàn Ton K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các đương sự được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000980 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, chị Triệu Thị T đã nộp đủ tiền án phí. Anh Bàn Ton K không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- UBND xã Tiến Bộ (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mạnh Hồng

Thành viên Hội đồng xét xử	**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
Phạm Tiến Hào – Nguyễn Duy Chung	**Vũ Mạnh Hồng**